IRREGULAR VERBS

INFINITIVE (V1)	PAST (V2)	PAST PARTICIPLE (V3)	MEANING
1. Be	.....	.....	thì, là, ở
2. Become	.....	.....	được, trở nên
3. Begin	.....	.....	bắt đầu
4. Bleed	.....	.....	chảy máu
5. Blow	.....	.....	thổi
6. Break	.....	.....	làm vỡ, đập bể
7. Bring	.....	.....	mang đến
8. Build	.....	.....	xây dựng, xây cất
9. Burn	.....	.....	đốt cháy, cháy
10. Buy	.....	.....	mua
11. Catch	.....	.....	đón, bắt
12. Choose	.....	.....	chọn, lựa
13. Come	.....	.....	đến
14. Cost	.....	.....	có giá là
15. Cut	.....	.....	cắt, chặt, đốn

…….HẾT…….

LIVEWORKSHEETS